

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2024-2025 - KHÓA 59**

(Kèm theo quyết định số 1964/QĐ-ĐHTM ngày 03 tháng 10 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
1	23D100111	Trần Thị	Chi	K59A3	A	15	9.01	3.93	100		Xuất sắc
2	23D100160	Lê Bảo	Châu	K59A4	A	18	8.88	3.89	97		Giỏi
3	23D100229	Nguyễn Thị	Liên	K59A5	A	18	8.87	3.89	91		Giỏi
4	23D100102	Nguyễn Thị	Uyên	K59A2	A	18	8.83	3.89	86		Giỏi
5	23D100183	Trần Thị Phương	Linh	K59A4	A	18	8.82	3.83	91		Giỏi
6	23D100083	Nguyễn Thị	Mai	K59A2	A	18	8.79	3.81	89		Giỏi
7	23D100106	Hoàng Kim	Anh	K59A3	A	18	8.79	3.81	93		Giỏi
8	23D100166	Nguyễn Thị Việt	Hà	K59A4	A	18	8.74	3.81	93		Giỏi
9	23D100185	Nguyễn Hải	Ly	K59A4	A	23	8.68	3.78	100		Giỏi
10	23D100010	Nguyễn Quỳnh	Chi	K59A1	A	18	8.66	3.81	97		Khá
11	23D100168	Phạm Thị Hồng	Hạnh	K59A4	A	21	8.66	3.83	89		Khá
12	23D100045	Đinh Vũ Thuý	Trang	K59A1	A	21	8.64	3.88	92		Khá
13	23D100138	Nguyễn Đào Bảo	Ngân	K59A3	A	18	8.57	3.81	92		Khá
14	23D100143	Tô Thị Thuý	Phương	K59A3	A	18	8.57	3.67	99		Khá
15	23D100253	Nguyễn Như	Trúc	K59A5	A	18	8.57	3.69	91		Khá
16	23D100114	Nguyễn Thị Ánh	Dương	K59A3	A	15	8.55	3.77	98		Khá
17	23D100108	Nguyễn Thị Thanh	Bình	K59A3	A	18	8.53	3.81	98		Khá
18	23D100252	Trần Đức	Trung	K59A5	A	18	8.53	3.72	86		Khá
19	23D100218	Đào Trường	Giang	K59A5	A	15	8.50	3.63	89		Khá
20	23D100223	Lê Diệu	Huyền	K59A5	A	15	8.49	3.57	83		Khá
21	23D100011	Nguyễn Thị Thanh	Chúc	K59A1	A	18	8.48	3.69	88		Khá
22	23D100065	Nguyễn Ngọc	Hà	K59A2	A	23	8.48	3.72	84		Khá
23	23D100250	Tạ Thị Diệu	Thúy	K59A5	A	18	8.47	3.61	90		Khá
24	23D108024	Đào Khánh	Linh	K59AA1	AA	18	8.78	3.89	97		Giỏi
25	23D108073	Ngô Hoàng Khánh	Linh	K59AA2	AA	18	8.62	3.86	93		Giỏi
26	23D108053	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	K59AA2	AA	18	8.60	3.75	99		Giỏi
27	23D108069	Nguyễn Thu	Hương	K59AA2	AA	18	8.59	3.72	88		Giỏi
28	23D108082	Trần Thị	Ngọc	K59AA2	AA	18	8.53	3.69	85		Giỏi
29	23D108021	Lê	Khoa	K59AA1	AA	18	8.49	3.78	94		Khá
30	23D108044	Nguyễn Kim	Thoa	K59AA1	AA	18	8.45	3.72	85		Khá
31	23D108016	Giáp Thị Mai	Huyền	K59AA1	AA	18	8.44	3.72	100		Khá
32	23D108107	Trần Thanh	Bình	K59AA3	AA	18	8.32	3.64	91		Khá
33	23D108011	Nguyễn Thúy	Hiền	K59AA1	AA	18	8.29	3.61	88		Khá
34	23D108150	Nguyễn Thị	Xuân	K59AA3	AA	18	8.27	3.44	87		Khá

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
35	23D108136	Phạm Minh	Phuong	K59AA3	AA	18	8.23	3.50	88		Khá
36	23D108131	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	K59AA3	AA	18	8.14	3.39	99		Khá
37	23D109054	Đào Thanh	Hằng	K59AS2	AS	17	8.88	3.88	96		Giỏi
38	22D109017	Ngô Phương	Hà	K59AS1	AS	18	8.73	3.94	90	Có	Giỏi
39	23D109052	Phạm Thị	Giang	K59AS2	AS	21	8.43	3.76	94		Giỏi
40	23D109084	Nguyễn Thị	Trúc	K59AS2	AS	23	8.40	3.63	88		Khá
41	23D109069	Nguyễn Hà	My	K59AS2	AS	21	8.30	3.62	92		Khá
42	23D109004	Nguyễn Phan Ngọc	Ánh	K59AS1	AS	17	8.29	3.62	89		Khá
43	23D109082	Nguyễn Thị Lưu	Trang	K59AS2	AS	17	8.28	3.65	89		Khá
44	23D109047	Lê Trâm	Anh	K59AS2	AS	17	8.27	3.71	91		Khá
45	23D109055	Đỗ Thúy	Hiền	K59AS2	AS	17	8.24	3.62	84		Khá
46	23D120014	Tạ Thị Hoàng	Dự	K59C1	C	16	8.89	3.94	85		Giỏi
47	23D120050	Trần Ánh	Xuân	K59C1	C	19	8.88	3.84	86		Giỏi
48	23D120084	Lại Thúy	Nga	K59C2	C	19	8.86	3.89	96		Giỏi
49	23D120064	Vũ Ánh	Dương	K59C2	C	18	8.79	3.81	84		Giỏi
50	23D120072	Nguyễn Thu	Huyền	K59C2	C	16	8.76	3.81	90		Giỏi
51	23D120040	Đặng Đình	Tâm	K59C1	C	19	8.74	3.89	88		Giỏi
52	23D120116	Nguyễn Thị	Hoa	K59C3	C	19	8.72	3.82	82		Giỏi
53	23D120076	Nguyễn Thị Hương	Lan	K59C2	C	19	8.68	3.89	90		Khá
54	23D120119	Nông Thu	Huyền	K59C3	C	19	8.68	3.84	95		Khá
55	23D120031	Đặng Thị Hằng	Nga	K59C1	C	16	8.65	3.75	89		Khá
56	23D120090	Nguyễn Thị Loan	Phượng	K59C2	C	19	8.65	3.82	88		Khá
57	23D120182	Ngô Quốc	Nguyên	K59C4	C	19	8.65	3.87	85		Khá
58	23D120068	Nguyễn Thị Thúy	Hà	K59C2	C	19	8.62	3.66	82		Khá
59	23D120193	Trần Huyền	Trang	K59C4	C	19	8.62	3.82	89		Khá
60	23D120070	Trần Thu	Hiền	K59C2	C	19	8.59	3.74	91		Khá
61	23D120172	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	K59C4	C	19	8.59	3.79	90		Khá
62	23D120138	Nguyễn Thị Mai	Phuong	K59C3	C	16	8.55	3.84	90		Khá
63	23D122042	Nguyễn Thị Tâm	Thư	K59CC1	CC	16	9.10	4.00	83		Giỏi
64	23D122032	Trần Đăng Đức	Mạnh	K59CC1	CC	16	8.91	3.88	85		Giỏi
65	23D122047	Hồ Thảo	Vy	K59CC1	CC	16	8.91	4.00	96		Giỏi
66	23D122120	Nguyễn Giao	Linh	K59CC3	CC	16	8.88	4.00	90		Giỏi
67	23D122061	Nguyễn Ý Mỹ	Đức	K59CC2	CC	16	8.85	3.94	90		Giỏi
68	23D122048	Bùi Hải	Yến	K59CC1	CC	16	8.85	3.94	82		Khá
69	23D122005	Trần Phương	Anh	K59CC1	CC	16	8.83	3.88	85		Khá
70	23D122020	Nguyễn Ngọc	Hân	K59CC1	CC	16	8.79	3.94	89		Khá
71	23D122067	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K59CC2	CC	16	8.79	3.84	85		Khá
72	23D122070	Trần Yến	Linh	K59CC2	CC	16	8.78	3.94	84		Khá
73	23D122002	Hoàng Hữu Tùng	Anh	K59CC1	CC	16	8.75	3.69	86		Khá
74	23D122104	Nguyễn Mai	Chi	K59CC3	CC	16	8.74	3.84	97		Khá

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
75	23D122140	Đào Thu	Uyên	K59CC3	CC	16	8.74	3.78	94		Khá
76	23D121103	Lâm Khánh	Vy	K59CD2	CD	16	8.99	4.00	87		Giỏi
77	23D121063	Nguyễn Mỹ	Duyên	K59CD2	CD	18	8.71	3.89	91		Giỏi
78	23D121073	Hà Khánh	Linh	K59CD2	CD	16	8.69	3.94	85		Giỏi
79	23D121088	Lê Thị	Phương	K59CD2	CD	20	8.66	3.85	83		Giỏi
80	23D121076	Nguyễn Khánh	Ly	K59CD2	CD	20	8.65	3.83	86		Khá
81	23D121014	Nguyễn Minh	Hằng	K59CD1	CD	17	8.55	3.71	81		Khá
82	23D121062	Đào Thùy	Dung	K59CD2	CD	16	8.54	3.72	84		Khá
83	23D121057	Trần Minh	Ánh	K59CD2	CD	18	8.51	3.72	96		Khá
84	23D121048	Nguyễn Huyền	Trang	K59CD1	CD	16	8.50	3.72	94		Khá
85	23D121032	Trần Thị Trà	My	K59CD1	CD	18	8.49	3.69	94		Khá
86	23D220136	Nguyễn Ngọc	Lan	K59T4	T	16	8.88	3.94	93		Giỏi
87	23D220033	Phan Thị Mai	Thanh	K59T1	T	16	8.83	3.88	93		Giỏi
88	23D220100	Hoàng Phương	Linh	K59T3	T	16	8.80	3.94	89		Giỏi
89	23D220021	Nguyễn Khánh	Linh	K59T1	T	16	8.59	3.78	90		Giỏi
90	23D220093	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	K59T3	T	16	8.59	3.72	90		Giỏi
91	23D220095	Dương Huy	Hoàng	K59T3	T	16	8.54	3.81	97		Khá
92	23D220120	Trần Như	Việt	K59T3	T	16	8.51	3.88	84		Khá
93	23D220132	Lê Thị	Hiền	K59T4	T	16	8.51	3.75	91		Khá
94	23D220119	Nguyễn Thị Kim	Vân	K59T3	T	16	8.49	3.69	86		Khá
95	23D220005	Nguyễn Thị Vân	Anh	K59T1	T	16	8.45	3.66	87		Khá
96	23D220114	Triệu Thị	Thúy	K59T3	T	16	8.44	3.66	83		Khá
97	23D220064	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K59T2	T	16	8.42	3.75	82		Khá
98	23D220020	Lê Diệu	Linh	K59T1	T	16	8.38	3.63	91		Khá
99	23D220092	Nguyễn Thị	Hà	K59T3	T	16	8.38	3.69	86		Khá
100	23D220118	Nguyễn Thị	Tuyết	K59T3	T	16	8.38	3.53	88		Khá
101	23D150151	Nguyễn Quang	Huy	K59D4	D	16	8.68	3.81	91		Giỏi
102	23D150083	Lê Thị Anh	Thơ	K59D2	D	21	8.42	3.62	88		Giỏi
103	23D150012	Hoàng Việt	Hà	K59D1	D	16	8.31	3.59	94		Giỏi
104	23D150148	Nguyễn Thị	Hằng	K59D4	D	16	8.29	3.56	90		Giỏi
105	23D150179	Đào Hồng	Vân	K59D4	D	16	8.29	3.53	84		Giỏi
106	23D150059	Lê Ngọc	Hân	K59D2	D	16	8.25	3.56	90		Giỏi
107	23D150092	Ngô Minh	Anh	K59D3	D	16	8.25	3.56	84		Giỏi
108	23D150023	Đoàn Thái Ngọc	Linh	K59D1	D	16	8.18	3.59	86		Khá
109	23D150046	Đoàn Thị	Anh	K59D2	D	21	8.18	3.48	82		Khá
110	23D150049	Nguyễn Thị Vân	Anh	K59D2	D	21	8.10	3.43	81		Khá
111	23D150087	Nguyễn Thùy	Trâm	K59D2	D	16	8.10	3.41	88		Khá
112	23D150162	Nguyễn Thị	Loan	K59D4	D	16	8.09	3.41	83		Khá
113	23D150173	Nguyễn Thị	Thắm	K59D4	D	21	8.09	3.50	87		Khá
114	23D150015	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	K59D1	D	16	8.07	3.44	91		Khá

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
115	23D150132	Hà Thùy	Trang	K59D3	D	16	8.07	3.38	85		Khá
116	23D150125	Hoàng Thị	Phương	K59D3	D	21	8.06	3.52	81		Khá
117	23D150082	Nguyễn Phương	Thảo	K59D2	D	18	8.04	3.50	81		Khá
118	23D270079	Nguyễn Hà	Phương	K59DC2	DC	18	8.66	3.81	86		Giỏi
119	23D270033	Trần Hà	Phương	K59DC1	DC	18	8.49	3.53	85		Giỏi
120	23D270003	Nguyễn Huyền	Anh	K59DC1	DC	18	8.45	3.64	85		Giỏi
121	23D270035	Đông Hoàng Phương	Thảo	K59DC1	DC	18	8.41	3.72	90		Giỏi
122	23D270045	Phạm Bích	Vân	K59DC1	DC	17	8.38	3.71	85		Khá
123	23D270060	Lương Mỹ	Hoa	K59DC2	DC	20	8.38	3.65	94		Khá
124	23D270013	Trần Thị	Hạnh	K59DC1	DC	18	8.36	3.58	81		Khá
125	23D270016	Đỗ Thị Thu	Huyền	K59DC1	DC	18	8.33	3.64	90		Khá
126	23D270038	Cao Anh	Thư	K59DC1	DC	18	8.33	3.61	85		Khá
127	23D155066	Nguyễn Thị Hương	Giang	K59DD2	DD	16	8.66	3.59	90		Giỏi
128	23D155101	Vũ Thuỳ	Trang	K59DD2	DD	16	8.24	3.56	92		Giỏi
129	23D155024	Bùi Thị Thu	Hương	K59DD1	DD	16	8.19	3.59	90		Giỏi
130	23D155052	Lê Thị	Yến	K59DD1	DD	16	8.11	3.38	83		Giỏi
131	23D155041	Phan Vũ Như	Ngọc	K59DD1	DD	16	8.07	3.47	85		Khá
132	23D155089	Nguyễn Thị	Nga	K59DD2	DD	16	8.03	3.41	82		Khá
133	23D155097	Nguyễn Hiền	Thảo	K59DD2	DD	16	7.98	3.22	93		Khá
134	23D155022	Nguyễn Thị Thu	Huyền	K59DD1	DD	16	7.97	3.31	91		Khá
135	23D155018	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	K59DD1	DD	16	7.94	3.41	99		Khá
136	23D155021	Lê Nguyễn Như	Hòa	K59DD1	DD	16	7.89	3.34	91		Khá
137	23D151014	Bạch Sỹ	Dũng	K59DI1	DI	18	8.40	3.69	93		Giỏi
138	23D151024	Nguyễn Thị Mai	Hương	K59DI1	DI	18	8.38	3.64	95		Khá
139	23D151044	Lương Thu	Thảo	K59DI1	DI	18	8.38	3.61	100		Khá
140	23D151048	Hoàng Thị	Tươi	K59DI1	DI	18	8.29	3.44	91		Khá
141	23D290097	Vũ Phương	Thảo	K59DK2	DK	16	8.94	3.81	95		Giỏi
142	23D290005	Phạm Quỳnh	Anh	K59DK1	DK	16	8.86	3.88	90		Giỏi
143	23D290030	Đỗ Thị Ngọc	Mai	K59DK1	DK	18	8.71	3.89	81		Giỏi
144	23D290028	Nguyễn Hữu	Lợi	K59DK1	DK	18	8.69	3.72	84		Giỏi
145	23D290085	Nguyễn Ngọc Huyền	My	K59DK2	DK	16	8.68	3.81	90		Khá
146	23D290056	Tô Ngọc	Anh	K59DK2	DK	16	8.56	3.59	90		Khá
147	23D290101	Phùng Thế	Vũ	K59DK2	DK	19	8.54	3.66	90		Khá
148	23D290071	Lê Thị Thu	Huyền	K59DK2	DK	16	8.52	3.72	83		Khá
149	23D290009	Nguyễn Hùng	Đạt	K59DK1	DK	16	8.46	3.66	86		Khá
150	23D290034	Nguyễn Thị	Mơ	K59DK1	DK	16	8.44	3.69	90		Khá
151	23D130066	Bùi Việt	Hà	K59E2	E	18	8.82	3.89	88		Giỏi
152	23D130046	Nguyễn Phương	Trang	K59E1	E	16	8.78	3.75	87		Giỏi
153	23D130068	Nguyễn Thu	Hào	K59E2	E	19	8.67	3.87	86		Giỏi
154	23D130069	Đỗ Thị Thu	Hiền	K59E2	E	16	8.66	3.69	88		Giỏi

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
155	23D130113	Tô Thùy	Dương	K59E3	E	18	8.63	3.75	90		Giỏi
156	23D130036	Khuất Hoàng	Nhi	K59E1	E	18	8.58	3.75	89		Khá
157	23D130087	Nguyễn Đình Thành	Tâm	K59E2	E	16	8.58	3.81	95		Khá
158	23D130094	Phạm Thùy	Trang	K59E2	E	18	8.53	3.78	84		Khá
159	23D130075	Hoàng Thị Mỹ	Linh	K59E2	E	20	8.52	3.73	82		Khá
160	23D130131	Đỗ Thị Kim	Ngọc	K59E3	E	18	8.46	3.64	89		Khá
161	23D130088	Nguyễn Thị Minh	Tâm	K59E2	E	17	8.46	3.68	84		Khá
162	23D130005	Phan Thị Phương	Anh	K59E1	E	18	8.41	3.50	89		Khá
163	23D130059	Đậu Linh	Chi	K59E2	E	16	8.39	3.56	85		Khá
164	23D130044	Dương Trần Mai	Thương	K59E1	E	18	8.38	3.61	97		Khá
165	23D130073	Ngô Trung	Kiên	K59E2	E	21	8.38	3.67	82		Khá
166	23D131086	Trần Ngọc Hải	Ngân	K59EE2	EE	16	9.01	3.84	91		Xuất sắc
167	23D131081	Nguyễn Thị	Linh	K59EE2	EE	16	8.79	3.84	85		Giỏi
168	23D131070	Trần Thu	Hằng	K59EE2	EE	16	8.72	3.94	91		Giỏi
169	23D131088	Lê Trọng	Nhân	K59EE2	EE	16	8.68	3.81	91		Giỏi
170	23D131073	Nguyễn Thu	Hoài	K59EE2	EE	16	8.56	3.81	87		Khá
171	23D131079	Hồ Mai	Linh	K59EE2	EE	16	8.53	3.72	92		Khá
172	23D131048	Dương Thùy	Trang	K59EE1	EE	16	8.48	3.66	95		Khá
173	23D131067	Nguyễn Thế Hương	Giang	K59EE2	EE	16	8.48	3.53	82		Khá
174	23D131066	Nguyễn Khánh	Dương	K59EE2	EE	16	8.45	3.56	92		Khá
175	23D260019	Vũ Thị Ngọc	Linh	K59EK1	EK	21	9.06	4.00	87		Giỏi
176	23D260086	Võ Thị Thu	Hà	K59EK3	EK	17	8.83	3.82	87		Giỏi
177	23D260090	Nguyễn Mai	Hoa	K59EK3	EK	17	8.71	3.71	85		Giỏi
178	23D260024	Hoàng Thị Cẩm	Nhung	K59EK1	EK	18	8.69	3.75	84		Khá
179	23D260070	Trương Thùy	Trang	K59EK2	EK	15	8.69	3.80	95		Giỏi
180	23D260054	Đào Nhật	Lệ	K59EK2	EK	21	8.64	3.76	90		Khá
181	23D260066	Nguyễn Thanh	Thúy	K59EK2	EK	17	8.54	3.68	81		Khá
182	23D260005	Trịnh Vũ Tú	Anh	K59EK1	EK	16	8.53	3.66	94		Khá
183	23D260069	Ngô Thị Hiền	Trang	K59EK2	EK	17	8.52	3.65	82		Khá
184	23D260104	Vương Phương	Thảo	K59EK3	EK	15	8.52	3.57	85		Khá
185	23D260101	Nguyễn Thị Kim	Oanh	K59EK3	EK	21	8.45	3.57	93		Khá
186	23D300063	Nguyễn Xuân	Hung	K59LQ2	LQ	15	8.86	3.90	92		Giỏi
187	23D300089	Đặng Thùy	Trang	K59LQ2	LQ	15	8.75	3.87	84		Giỏi
188	23D300123	Đỗ Tuấn	Ngọc	K59LQ3	LQ	18	8.71	3.86	92		Giỏi
189	23D300171	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhung	K59LQ4	LQ	15	8.69	3.87	100		Giỏi
190	23D300176	Đào Thị	Quỳnh	K59LQ4	LQ	18	8.69	3.89	92		Giỏi
191	23D300014	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K59LQ1	LQ	18	8.62	3.72	95		Giỏi
192	23D300011	Nguyễn Minh	Hiếu	K59LQ1	LQ	15	8.61	3.80	82		Giỏi
193	23D300129	Nguyễn Thu	Quyên	K59LQ3	LQ	18	8.59	3.83	89		Khá
194	23D300151	Trần Thị Hương	Giang	K59LQ4	LQ	21	8.58	3.71	92		Khá

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
195	23D300182	Sa Thị	Thùy	K59LQ4	LQ	18	8.57	3.81	88		Khá
196	23D300036	Phùng Minh	Tâm	K59LQ1	LQ	18	8.55	3.72	95		Khá
197	23D300032	Nguyễn Thảo	Phuong	K59LQ1	LQ	18	8.54	3.72	86		Khá
198	23D300009	Vũ Tiến	Đạt	K59LQ1	LQ	18	8.53	3.69	98		Khá
199	23D300110	Lê Thị Thu	Huyền	K59LQ3	LQ	18	8.53	3.67	88		Khá
200	23D300119	Hoàng Nguyễn Phương	Ly	K59LQ3	LQ	18	8.52	3.78	87		Khá
201	23D300092	Nguyễn Thị	Tuyết	K59LQ2	LQ	24	8.49	3.71	76		Khá
202	23D300085	Tổng Thị	Thảo	K59LQ2	LQ	18	8.48	3.69	88		Khá
203	23D300162	Nguyễn Thị	Linh	K59LQ4	LQ	16	8.47	3.72	95		Khá
204	23D160197	Dương Như	Quỳnh	K59F4	F	15	8.98	3.93	100		Giỏi
205	23D160080	Đỗ Mai	Linh	K59F2	F	20	8.94	3.93	90		Giỏi
206	23D160106	Nguyễn Thị Phương	Anh	K59F3	F	17	8.84	3.88	94		Giỏi
207	23D160245	Tạ Thu	Phuong	K59F5	F	17	8.81	3.82	85		Giỏi
208	23D160087	Nguyễn Thị	Ngà	K59F2	F	17	8.79	3.94	100		Giỏi
209	23D160207	Vũ Thị	Xuân	K59F4	F	17	8.79	3.94	98		Giỏi
210	23D160222	Hoàng Hồng	Hạnh	K59F5	F	15	8.78	3.90	100		Giỏi
211	23D160069	Nguyễn Thị	Hằng	K59F2	F	20	8.76	3.83	97		Giỏi
212	23D160291	Dương Thị	Nguyên	K59F6	F	17	8.62	3.68	100		Giỏi
213	23D160286	Nguyễn Thị Tú	Mai	K59F6	F	17	8.58	3.82	89		Giỏi
214	23D160194	Đào Thị Quỳnh	Như	K59F4	F	20	8.56	3.65	98		Giỏi
215	23D160065	Nguyễn Thị Hương	Giang	K59F2	F	20	8.56	3.75	85		Khá
216	23D160283	Kiều Thị	Linh	K59F6	F	17	8.53	3.62	92		Khá
217	23D160204	Phạm Thị Ánh	Tuyết	K59F4	F	17	8.52	3.71	91		Khá
218	23D160187	Đặng Thị	Mai	K59F4	F	17	8.49	3.71	91		Khá
219	23D160295	Vì Thị Hoài	Phuong	K59F6	F	17	8.49	3.65	81	Có	Khá
220	23D160141	Hoàng Tuyết	Nhi	K59F3	F	17	8.48	3.76	100		Khá
221	23D160151	Trần Thị	Trang	K59F3	F	17	8.45	3.76	99		Khá
222	23D160171	Đỗ Thị	Hạnh	K59F4	F	17	8.45	3.71	88		Khá
223	23D160260	Phan Thị Ngọc	Anh	K59F6	F	17	8.45	3.59	89		Khá
224	23D160308	Long Thị Huyền	Vy	K59F6	F	17	8.45	3.76	88		Khá
225	23D160271	Trần Ngân	Giang	K59F6	F	17	8.41	3.62	85		Khá
226	23D160261	Vương Hoài	Anh	K59F6	F	15	8.37	3.70	89		Khá
227	23D160035	Nguyễn Thị	Nhung	K59F1	F	17	8.35	3.59	88		Khá
228	23D160198	Triệu Thị Thanh	Tâm	K59F4	F	17	8.35	3.62	87		Khá
229	23D160294	Vũ Thị	Oanh	K59F6	F	17	8.34	3.65	94		Khá
230	23D160046	Phạm Huyền	Trang	K59F1	F	18	8.33	3.67	94		Khá
231	23D160223	Đặng Thị Thu	Hoài	K59F5	F	20	8.33	3.60	90		Khá
232	23D160263	Giáp Nguyễn Linh	Chi	K59F6	F	17	8.32	3.56	99		Khá
233	23D180086	Đỗ Thị Diệu	Thu	K59H2	H	17	8.95	3.91	89		Giỏi
234	23D180042	Đỗ Văn	Tinh	K59H1	H	19	8.91	3.79	100		Giỏi

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
235	23D180060	Trần Thúy	Hiền	K59H2	H	17	8.91	3.82	84		Giỏi
236	23D180001	Nguyễn Đào Thúy	An	K59H1	H	19	8.75	3.95	83		Giỏi
237	23D180067	Đào Thị Ngọc	Linh	K59H2	H	19	8.73	3.92	88		Giỏi
238	23D180092	Đào Tú	Uyên	K59H2	H	19	8.73	3.76	91		Giỏi
239	23D180135	Phạm Thị Thanh	Thư	K59H3	H	19	8.72	3.82	100		Giỏi
240	23D180136	Phạm Minh	Trang	K59H3	H	17	8.68	3.82	100		Khá
241	23D180019	Phạm Hương	Lan	K59H1	H	19	8.67	3.87	86		Khá
242	23D180045	Đặng Hà	Trình	K59H1	H	17	8.66	3.74	96		Khá
243	23D180149	Nguyễn Trần Minh	Đức	K59H4	H	17	8.66	3.74	76		Khá
244	23D180022	Phạm Ngọc	Linh	K59H1	H	21	8.64	3.86	88		Khá
245	23D180120	Trịnh Thanh	Mai	K59H3	H	17	8.58	3.68	93		Khá
246	23D180180	Nguyễn Thị	Thoa	K59H4	H	19	8.58	3.68	86		Khá
247	23D180114	Dương Hà	Lan	K59H3	H	20	8.57	3.73	74		Khá
248	23D180175	Hoàng Yến	Nhi	K59H4	H	17	8.57	3.74	85		Khá
249	23D180141	Phạm Chiêu	Xuân	K59H3	H	19	8.55	3.68	88		Khá
250	23D280011	Nguyễn Thu	Hà	K59HC1	HC	19	8.67	3.87	96		Giỏi
251	23D280015	Phạm Thị Kim	Huệ	K59HC1	HC	19	8.43	3.63	92		Giỏi
252	23D280088	Nguyễn Vân	Trang	K59HC2	HC	17	8.32	3.56	88		Giỏi
253	23D280020	Phạm Thị Thu	Hường	K59HC1	HC	16	8.19	3.50	74		Khá
254	23D280050	Khuông Thị Ngọc	Ánh	K59HC2	HC	16	8.11	3.47	83		Giỏi
255	23D280001	Đinh Quỳnh	Anh	K59HC1	HC	19	8.06	3.50	89		Khá
256	23D280032	Kim Thị	Nhung	K59HC1	HC	16	8.02	3.34	70		Khá
257	23D280033	Nguyễn Kim	Oanh	K59HC1	HC	16	7.98	3.38	84		Khá
258	23D280029	Vì Ngọc	Lý	K59HC1	HC	16	7.97	3.38	84		Khá
259	23D185034	Nguyễn Lâm	Phương	K59HH1	HH	16	9.05	4.00	100		Xuất sắc
260	23D185016	Đặng Ngọc	Hoa	K59HH1	HH	16	8.83	3.69	100		Giỏi
261	23D185059	Dương Thị	Duyên	K59HH2	HH	16	8.65	3.81	88		Giỏi
262	23D185031	Nguyễn Khánh	Nhi	K59HH1	HH	16	8.61	3.69	100		Giỏi
263	23D185115	Nguyễn Thu	Hương	K59HH3	HH	16	8.60	3.69	100		Giỏi
264	23D185078	Trần Hải	Minh	K59HH2	HH	16	8.60	3.78	81		Khá
265	23D185015	Nguyễn Minh	Hiếu	K59HH1	HH	16	8.58	3.69	95		Khá
266	23D185084	Nguyễn Kỳ	Phong	K59HH2	HH	16	8.57	3.75	89		Khá
267	23D185058	Hà Mạnh	Cường	K59HH2	HH	16	8.54	3.66	87		Khá
268	23D185092	Hoàng Thị Thu	Trang	K59HH2	HH	16	8.53	3.75	79		Khá
269	23D185008	Phan Thị Hà	Châu	K59HH1	HH	16	8.51	3.59	100		Khá
270	23D185101	Nguyễn Tiến	Anh	K59HH3	HH	16	8.48	3.66	92		Khá
271	23D185120	Nguyễn Thị Khánh	Linh	K59HH3	HH	16	8.47	3.69	88		Khá
272	23D185112	Tạ Huy	Hoàng	K59HH3	HH	16	8.43	3.56	94		Khá
273	23D140250	Phạm Thanh	Huyền	K59I5	I	18	9.07	4.00	95		Xuất sắc
274	23D140134	Đỗ Thị	Hằng	K59I3	I	17	8.99	4.00	89		Giỏi

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
275	23D140277	Nghiêm Thị Thu	Thảo	K59I5	I	16	8.89	3.88	95		Giỏi
276	23D140045	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	K59I1	I	17	8.84	3.88	92		Giỏi
277	23D140052	Nguyễn Lê Nhật	Trang	K59I1	I	20	8.83	4.00	89		Giỏi
278	23D140049	Trần Thị Thu	Thuý	K59I1	I	18	8.82	3.83	98		Giỏi
279	23D140283	Nguyễn Hà	Trang	K59I5	I	19	8.80	3.84	93		Giỏi
280	23D140079	Nguyễn Minh	Hiếu	K59I2	I	18	8.79	3.81	88		Giỏi
281	23D140027	Hoàng Thị Thu	Khuyên	K59I1	I	18	8.77	3.89	83		Giỏi
282	23D140116	Trần Thị Hồng	Yến	K59I2	I	20	8.72	3.85	88		Giỏi
283	23D140205	Trần Khánh	Ly	K59I4	I	18	8.71	3.89	84		Giỏi
284	23D140229	Nguyễn Thảo	Vân	K59I4	I	17	8.70	3.91	88		Khá
285	23D140070	Lê Quỳnh	Dương	K59I2	I	19	8.67	3.74	96		Khá
286	23D140217	Lê Thị Diễm	Quỳnh	K59I4	I	15	8.65	3.80	89		Khá
287	23D140234	Dương Thị Ngọc	Ánh	K59I5	I	15	8.64	3.80	100		Khá
288	23D140075	Hoàng Thị Ngọc	Hà	K59I2	I	18	8.63	3.83	88		Khá
289	23D140198	Nguyễn Thị Mai	Lan	K59I4	I	18	8.63	3.72	93		Khá
290	23D140112	Phùng Thị Thùy	Trang	K59I2	I	16	8.62	3.78	86		Khá
291	23D140191	Bùi Trung	Hiếu	K59I4	I	18	8.62	3.75	94		Khá
292	23D140033	Vũ Trịnh Mai	Linh	K59I1	I	16	8.60	3.75	88		Khá
293	23D140004	Đồng Thị	Ánh	K59I1	I	20	8.58	3.68	84		Khá
294	23D140020	Phạm Thị	Hoa	K59I1	I	15	8.58	3.67	86		Khá
295	23D140066	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	K59I2	I	20	8.56	3.83	85		Khá
296	23D140145	Đào Thị Diệu	Linh	K59I3	I	18	8.53	3.61	89		Khá
297	23D140137	Nguyễn Ngọc	Huyền	K59I3	I	18	8.49	3.56	96		Khá
298	23D140241	Phùng Tiến	Dũng	K59I5	I	18	8.48	3.67	94		Khá
299	23D140131	Đàm Thu	Hà	K59I3	I	15	8.46	3.70	93		Khá
300	23D140174	Đoàn Phương	Anh	K59I4	I	15	8.46	3.67	98	Có	Khá
301	23D190104	Đặng Thị Thùy	Dung	K59S3	S	20	8.88	3.80	97		Giỏi
302	23D190099	Nguyễn Mai	Anh	K59S3	S	20	8.78	3.73	100		Giỏi
303	23D190157	Đào Thu	Hải	K59S4	S	17	8.75	3.79	86		Giỏi
304	23D190080	Trần Trà	My	K59S2	S	20	8.73	3.73	94		Giỏi
305	23D190093	Dương Thị Thanh	Trúc	K59S2	S	20	8.73	3.70	100		Giỏi
306	23D190024	Đinh Thị Mai	Linh	K59S1	S	17	8.71	3.76	93		Giỏi
307	23D190170	Nguyễn Quang	Minh	K59S4	S	16	8.71	3.81	100		Giỏi
308	23D190047	Bùi Thị Hồng	Vân	K59S1	S	17	8.70	3.82	94		Khá
309	23D190119	Đồng Thị	Hường	K59S3	S	17	8.70	3.76	98		Khá
310	23D190016	Nguyễn Thị	Huế	K59S1	S	17	8.68	3.68	85		Khá
311	23D190023	Lê Thị	Lan	K59S1	S	20	8.68	3.75	93		Khá
312	23D190184	Cao Thanh	Thu	K59S4	S	20	8.68	3.80	100		Khá
313	23D190033	Trần Thị	Nguyên	K59S1	S	17	8.65	3.68	89		Khá
314	23D190079	Phạm Quang	Minh	K59S2	S	20	8.64	3.73	91		Khá

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
315	23D190020	Nguyễn Thị Nhung	Huyền	K59S1	S	20	8.62	3.70	98		Khá
316	23D190026	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	K59S1	S	20	8.62	3.75	95		Khá
317	23D190118	Nguyễn Thị Thu	Huyền	K59S3	S	17	8.61	3.76	85		Khá
318	23D190153	Nguyễn Thị	Duyên	K59S4	S	20	8.61	3.70	100		Khá
319	23D190102	Phùng Thị Minh	Chi	K59S3	S	20	8.60	3.65	93		Khá
320	23D192007	Nguyễn Việt	Dũng	K59SN1	SN	18	8.57	3.75	94		Giỏi
321	23D192046	Bùi Thị	Duyên	K59SN2	SN	18	8.48	3.61	88		Giỏi
322	23D192048	Đặng Văn	Đan	K59SN2	SN	18	8.43	3.69	100		Giỏi
323	23D192034	Đặng Thị Anh	Thơ	K59SN1	SN	18	8.41	3.67	100		Khá
324	23D192018	Vũ Thị Ánh	Hồng	K59SN1	SN	18	8.39	3.61	91		Khá
325	23D192047	Vũ Bùi Thùy	Dương	K59SN2	SN	18	8.39	3.56	88		Khá
326	23D192080	Nguyễn Thị Thảo	Yến	K59SN2	SN	18	8.37	3.67	85		Khá
327	23D192009	Đào Hữu Tuấn	Đạt	K59SN1	SN	18	8.33	3.53	80		Khá
328	23D170268	Vũ Thị	Thảo	K59N5	N	16	8.99	4.00	97		Giỏi
329	23D170085	Nguyễn Lương Diệu	Linh	K59N2	N	18	8.85	3.92	100		Giỏi
330	23D170270	Hoàng Thị Đoan	Trang	K59N5	N	16	8.83	3.84	82		Giỏi
331	23D170069	Nguyễn Thị Hương	Giang	K59N2	N	21	8.63	3.74	90		Giỏi
332	23D170074	Nguyễn Thị	Hiền	K59N2	N	18	8.61	3.72	91		Giỏi
333	23D170202	Mai Ánh	Ngọc	K59N4	N	18	8.59	3.72	78		Khá
334	23D170210	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	K59N4	N	19	8.59	3.82	80		Giỏi
335	23D170243	Nguyễn Vũ Thanh	Hương	K59N5	N	18	8.54	3.69	93		Giỏi
336	23D170032	Vũ Ngọc	Linh	K59N1	N	18	8.54	3.72	100		Giỏi
337	23D170133	Đào Thị Minh	Hồng	K59N3	N	21	8.54	3.74	100		Giỏi
338	23D170249	Nguyễn Thị Khánh	Linh	K59N5	N	16	8.49	3.72	80		Giỏi
339	23D170269	Tổng Trang	Thư	K59N5	N	16	8.44	3.66	78		Khá
340	23D170131	Phạm Thu	Hiền	K59N3	N	18	8.43	3.64	98		Khá
341	23D170260	Trần Thị Yến	Nhi	K59N5	N	16	8.39	3.75	76		Khá
342	23D170034	Phạm Hoàng	Mai	K59N1	N	19	8.37	3.68	83		Khá
343	23D170075	Trần Trung	Hiếu	K59N2	N	18	8.36	3.58	80		Khá
344	23D170275	Nguyễn Hoàng	Việt	K59N5	N	16	8.35	3.50	92		Khá
345	23D170079	Nguyễn Lan	Hương	K59N2	N	16	8.35	3.66	91		Khá
346	23D170084	Hồ Thị Thùy	Linh	K59N2	N	18	8.32	3.53	86		Khá
347	23D170057	Nguyễn Bình	An	K59N2	N	18	8.29	3.47	89		Khá
348	23D170073	Nguyễn Thị	Hằng	K59N2	N	16	8.29	3.56	75		Khá
349	23D170112	Nguyễn Thùy	An	K59N3	N	18	8.29	3.56	80		Khá
350	23D170173	Đỗ Ngọc Minh	Châu	K59N4	N	21	8.28	3.60	93		Khá
351	23D170244	Nguyễn Đình	Khải	K59N5	N	18	8.27	3.61	68		Khá
352	23D170273	Đỗ Huyền	Trâm	K59N5	N	16	8.27	3.59	72		Khá
353	23D170037	Nguyễn Việt	Nam	K59N1	N	18	8.27	3.58	96		Khá
354	23D170180	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	K59N4	N	16	8.26	3.63	100		Khá

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
355	23D200103	Nguyễn Khánh	Linh	K59P3	P	18	8.78	3.81	91		Giỏi
356	23D200053	Lại Hải	Hà	K59P2	P	18	8.65	3.72	96		Giỏi
357	23D200075	Trần Thị	Thúy	K59P2	P	18	8.64	3.72	89		Giỏi
358	23D200059	Nguyễn Duy	Hùng	K59P2	P	18	8.63	3.78	87		Giỏi
359	23D200046	Tô Minh	Ánh	K59P2	P	19	8.62	3.82	95		Khá
360	23D200064	Nguyễn Lê Thuý	Linh	K59P2	P	17	8.58	3.71	84		Khá
361	23D200047	Hoàng Ngọc	Châu	K59P2	P	18	8.48	3.58	98		Khá
362	23D200034	Nguyễn Thị Thu	Thúy	K59P1	P	18	8.47	3.61	95		Khá
363	23D200057	Lê Tuấn	Huy	K59P2	P	18	8.46	3.72	98		Khá
364	23D200088	Vũ Thị	Cúc	K59P3	P	18	8.43	3.61	89		Khá
365	23D200094	Nguyễn Thị Thu	Hoài	K59P3	P	18	8.43	3.56	82		Khá
366	23D201017	Dương Văn	Khánh	K59PQ1	PQ	18	9.11	4.00	98		Xuất sắc
367	23D201069	Nguyễn Phương	Thảo	K59PQ2	PQ	19	8.83	4.00	87		Giỏi
368	23D201007	Nguyễn Thị Thu	Chang	K59PQ1	PQ	18	8.67	3.72	90		Giỏi
369	23D201059	Nguyễn Diệu	Linh	K59PQ2	PQ	19	8.66	3.79	93		Khá
370	23D201047	Nguyễn Phương	Đông	K59PQ2	PQ	17	8.65	3.74	98		Khá
371	23D201061	Vũ Hiền	Lương	K59PQ2	PQ	19	8.61	3.76	89		Khá
372	23D105027	Dương Thị Minh	Nguyệt	K59Q1	Q	16	8.68	3.81	93		Giỏi
373	23D105060	Nguyễn Thị Hải	Linh	K59Q2	Q	16	8.61	3.66	87		Giỏi
374	23D105072	Nguyễn Như	Quỳnh	K59Q2	Q	19	8.51	3.79	86		Giỏi
375	23D105043	Đình Gia	Bảo	K59Q2	Q	16	8.38	3.53	84		Khá
376	22D105028	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K59Q1	Q	19	8.24	3.53	84		Khá
377	23D105067	Lê Uyên	Nhi	K59Q2	Q	16	8.21	3.34	95		Khá
378	23D107129	Ngô Thị Ngọc	Hà	K59QT3	QT	16	9.24	3.94	96		Xuất sắc
379	23D107167	Lê Thị Thùy	Tiên	K59QT3	QT	16	9.15	3.88	91		Xuất sắc
380	23D107212	Lương Minh	Nhung	K59QT4	QT	18	9.04	3.89	87		Giỏi
381	23D107106	Chu Thị Thu	Thúy	K59QT2	QT	18	9.03	3.83	85		Giỏi
382	23D107173	Dương Triều	Xuân	K59QT3	QT	16	9.02	3.78	87		Giỏi
383	23D107028	Đoàn Khánh	Linh	K59QT1	QT	16	8.97	3.91	90		Giỏi
384	23D107221	Đặng Hà	Thu	K59QT4	QT	16	8.93	3.88	89		Giỏi
385	23D107157	Hoàng Thị Thu	Phương	K59QT3	QT	16	8.91	3.84	85		Giỏi
386	23D107192	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	K59QT4	QT	18	8.89	3.81	85		Khá
387	23D107069	Phạm Thị Mai	Duyên	K59QT2	QT	18	8.86	3.89	85		Khá
388	23D107083	Đặng Trần Hoàng	Lan	K59QT2	QT	16	8.84	3.88	82		Khá
389	23D107170	Vũ Quỳnh	Trang	K59QT3	QT	16	8.84	3.78	89		Khá
390	23D107080	Trần Thị Thu	Huyền	K59QT2	QT	16	8.82	3.72	82		Khá
391	23D107073	Nguyễn Thị Minh	Hải	K59QT2	QT	16	8.79	3.81	85		Khá
392	23D107194	Nguyễn Thị	Huyền	K59QT4	QT	18	8.79	3.86	100		Khá
393	23D107198	Nguyễn Thị Ngọc	Khuê	K59QT4	QT	16	8.79	3.88	82		Khá
394	23D107071	Trần Thị Hà	Giang	K59QT2	QT	16	8.78	3.72	92		Khá

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
395	23D107039	Vũ Mạc Yến	Nhi	K59QT1	QT	18	8.77	3.75	99		Khá
396	23D107201	Ngô Thị Thùy	Linh	K59QT4	QT	16	8.77	3.78	86		Khá
397	23D210170	Trần Thị Huyền	Nhi	K59U4	U	15	8.97	3.90	85		Giỏi
398	23D210078	Nguyễn Hà	Phương	K59U2	U	17	8.84	3.94	91		Giỏi
399	23D210201	Hoàng Thị Bích	Hậu	K59U5	U	19	8.81	3.84	100		Giỏi
400	23D210204	Đinh Thị Thu	Hương	K59U5	U	19	8.81	3.89	100		Giỏi
401	23D210027	Nguyễn Đình Hà	My	K59U1	U	20	8.70	3.93	89		Giỏi
402	23D210203	Hoàng Thị Thanh	Huyền	K59U5	U	15	8.69	3.90	94		Giỏi
403	23D210103	Nguyễn Hương	Giang	K59U3	U	19	8.58	3.82	86		Giỏi
404	23D210192	Đỗ Thị	Ánh	K59U5	U	19	8.58	3.79	100		Giỏi
405	23D210162	Đặng Thị Thùy	Linh	K59U4	U	19	8.57	3.84	94		Giỏi
406	23D210083	Nguyễn Phương	Thảo	K59U2	U	19	8.56	3.68	96		Khá
407	23D210037	Trần Thị	Tâm	K59U1	U	18	8.54	3.72	90		Khá
408	23D210107	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	K59U3	U	17	8.54	3.71	98		Khá
409	23D210011	Nguyễn Duy	Hiệp	K59U1	U	17	8.52	3.68	91		Khá
410	23D210017	Nguyễn Thu	Huyền	K59U1	U	17	8.51	3.76	83		Khá
411	23D210036	Hoàng Thị Quỳnh	Sang	K59U1	U	17	8.51	3.74	86		Khá
412	23D210180	Nguyễn Thị	Thúy	K59U4	U	17	8.51	3.74	88		Khá
413	23D210142	Nguyễn Thái	An	K59U4	U	19	8.50	3.68	97		Khá
414	23D210001	Nguyễn Bình	An	K59U1	U	17	8.49	3.74	87		Khá
415	23D210150	Nguyễn Thị Thùy	Dương	K59U4	U	18	8.49	3.72	95		Khá
416	23D210031	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K59U1	U	20	8.48	3.65	91		Khá
417	23D210003	Lê Lan	Anh	K59U1	U	15	8.47	3.63	85		Khá
418	23D210223	Lê Thị	Thảo	K59U5	U	19	8.47	3.68	89		Khá
419	23D211061	Bùi Thùy	Linh	K59UU2	UU	18	9.14	4.00	91		Xuất sắc
420	23D211047	Lê Đức	Anh	K59UU2	UU	18	8.89	3.94	88		Giỏi
421	23D211005	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	K59UU1	UU	18	8.42	3.72	93		Giỏi
422	23D211004	Nguyễn Thị Thùy	Anh	K59UU1	UU	18	8.39	3.61	97		Khá
423	23D211035	Đinh Thu	Thúy	K59UU1	UU	18	8.32	3.56	86		Khá
424	23D211087	Nguyễn Thanh	Tuyết	K59UU2	UU	18	8.31	3.53	100		Khá
425	23D211082	Bùi Thùy	Trang	K59UU2	UU	18	8.27	3.50	85		Khá
426	23D211006	Nguyễn Hữu Minh	Duy	K59UU1	UU	18	8.24	3.50	87		Khá
427	23D400087	Đặng Hải	Yến	K59V2	V	21	8.78	3.83	100		Giỏi
428	23D400005	Vũ Thị Phương	Diệu	K59V1	V	18	8.62	3.69	94		Giỏi
429	23D400059	Trần Thị Thúy	Huyền	K59V2	V	18	8.62	3.81	93		Giỏi
430	23D400042	Trần Thị	Vân	K59V1	V	20	8.58	3.78	100		Giỏi
431	23D400019	Nguyễn Thị Lan	Hương	K59V1	V	18	8.56	3.81	94		Khá
432	23D400002	Nguyễn Kim	Anh	K59V1	V	18	8.48	3.69	97		Khá
433	23D400048	Nguyễn Mai	Chi	K59V2	V	20	8.45	3.68	87		Khá
434	23D400028	Hoàng Thảo	Nhi	K59V1	V	20	8.41	3.68	89		Khá

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK2 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 2 NH 24-25	MGHP	Loại HB
435	23D400052	Phạm Vũ Phúc	Hải	K59V2	V	20	8.41	3.68	84		Khá

(Danh sách gồm 435 sinh viên)